

SỞ GD&ĐT TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT BÌNH AN

Số : 107/BC-THPTBA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dĩ An, ngày 03 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành Thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Văn bản số 2708/SGD&ĐT-VP ngày 26/9/2024 của Sở GD&ĐT tỉnh Bình Dương về việc triển khai thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT.

Trường Trung học phổ thông Bình An thực hiện báo cáo thường niên năm 2024, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường

Trường Trung học phổ thông Bình An.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác

Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố Bình Thung, phường Bình An, Tp Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3750361.

Email: thpt-binhnan@sgdbinhduong.edu.vn.

Địa chỉ cổng thông tin điện tử: <https://thptbinhan.web.vnedu.vn/>.

3. Loại hình, cơ quan quản lý trực tiếp

Loại hình: trường trung học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở GD&ĐT tỉnh Bình Dương.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

Sứ mạng: “Tạo dựng môi trường học tập nề nếp, kỷ cương, thân thiện, chất lượng giáo dục cao”.

Tầm nhìn: “Là một trong những ngôi trường hàng đầu của tỉnh mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới thành công.

Mục tiêu: phấn đấu nhà trường đạt kiểm định mức độ 2, đạt chuẩn Quốc gia cấp độ 2, là trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Cách đây 30 năm, vào ngày 08/08/1994 trường THPT Bình An bắt đầu từ đầu năm học 1994 – 1995 trường bắt đầu thu nhận học sinh và đi vào giảng dạy gồm 3 lớp (2 lớp 6 và 1 lớp 7, với tổng số 144 học sinh). Hiệu trưởng đầu tiên là thầy Vương Văn Thanh. Tuy nhiên năm học đầu tiên trường vẫn chưa có cơ sở riêng mà giáo viên và học sinh

phải còn dạy và học tạm chung với trường THCS Bình An, sau đó là mượn tạm ở Công ty vật liệu xây dựng MC.

Năm học 1995 – 1996: trường được xây dựng 2 phòng học mới đầu tiên trên nền đất hiện nay với diện tích ban đầu được cấp là 5.979,8m² và trường đã có 5 lớp (2 lớp 6, 2 lớp 7 và 1 lớp 8).

Qua các năm học tiếp theo trường lại được tiếp tục xây thêm các phòng học và hình thành cơ sở vật chất cho một ngôi trường, số lớp, số học sinh cũng ngày một tăng thêm.

Từ năm học 1998-1999 theo quyết định số 126/1998/QĐ-CT ngày 12/8/1998 của UBND tỉnh Bình Dương ban hành, trường trở thành trường PTTH bán công Bình An bắt đầu thu nhận thêm học sinh cấp ba để giảng dạy.

Trong quá trình hoạt động, những năm qua để phục vụ nhu cầu giáo dục của địa phương, Trường THPT Bình An đã không ngừng củng cố, hoàn thiện và phát triển quy mô cả về cơ sở vật chất lẫn đội ngũ và chất lượng chuyên môn.

Tính đến thời điểm hiện tại, số học sinh của trường có tổng cộng là 1437 em, biên chế thành 33 lớp.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phục vụ cho hoạt động dạy và học của trường có 76 người. Trong đó:

- Ban Giám hiệu: 03 người;
- Nhân viên hành chánh: 10 người;
- Giáo viên tham gia dạy lớp: 63 người;
- Số Đảng viên toàn trường là 29 (có 15 nữ).

Nhìn chung đội ngũ của trường đều đạt chuẩn 100% (có 21/76 đạt trên chuẩn, chiếm tỉ lệ 27.63%), có trình độ chuyên môn, tay nghề vững vàng, tận tâm, yêu nghề nên luôn đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy và làm việc theo quy định của ngành cũng như của nhà trường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Võ Huỳnh Ngọc Vân;

Chức vụ: Hiệu trưởng;

Số điện thoại: 0949017393;

Địa chỉ nơi làm việc: Khu phố Bình Thung, phường Bình An, Tp Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục

Quyết định số 125/2005/QĐ-UBND ngày 12/7/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Trường THPT Bình An.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 1968/QĐ-SGDĐT ngày 13/12/2024 của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường Trường Trung học phổ thông Bình An nhiệm kỳ 2019-2024.

Hội đồng trường Trường THPT Bình An nhiệm kỳ 2019-2024 gồm 13 ông, bà có tên theo Quyết định.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Hiệu trưởng: Võ Huỳnh Ngọc Vân

+ Quyết định số 1808/QĐ-SGDĐT ngày 22/06/2015 của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về việc điều động, bổ nhiệm công chức lãnh đạo.

+ Quyết định số 539/QĐ-SGDĐT ngày 12/5/2020 của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

+ Quyết định số 1690/QĐ-SGDĐT ngày 20/10/2022 của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thanh Phương

+ Quyết định số 2584/QĐ-SGDĐT ngày 23/9/2013 của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về việc bổ nhiệm công chức, viên chức.

+ Quyết định số 1803/QĐ-SGDĐT ngày 26/09/2018 của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

+ Quyết định số 1553/QĐ-SGDĐT ngày 26/09/2023 của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Mạnh Hùng

Quyết định số 1118/QĐ-SGDĐT ngày 14/08/2024 của Sở GDĐT tỉnh Bình Dương về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy

+ Quyết định số 269/QĐ-THPTBA ngày 30/8/2024 về việc thành lập phòng/tổ, khối năm học 2024-2025.

+ Quyết định số 274/QĐ-THPTBA ngày 06/09/2024 về việc ban hành quy chế làm việc của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

+ Quyết định số 265/QĐ-THPTBA ngày 01/09/2024 về việc ban hành quy chế làm việc BGH Trường THPT Bình An năm học 2024-2025.

+ Quyết định số 268/QĐ-THPTBA ngày 30/08/2024 về việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học 2024-2025.



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị trực thuộc, thành viên (nếu có): không

e) Thông tin lãnh đạo nhà trường

Hiệu trưởng:

+ Họ và tên: Võ Huỳnh Ngọc Vân;

+ Chức vụ: Hiệu trưởng;

+ Số điện thoại: 0949017393;

+ Email: ngocvannguyentrai@gmail.com

+ Nhiệm vụ, trách nhiệm: Hiệu trưởng, chỉ đạo phụ trách chung.

Phó hiệu trưởng 1:

+ Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hùng;

+ Chức vụ: Phó Hiệu trưởng;

+ Số điện thoại: 0918208430;

+ Email: hungnm@nguyenanninh.sgdbinhduong.edu.vn

+ Nhiệm vụ, trách nhiệm: Phó hiệu trưởng, phụ trách công tác chuyên môn.

Phó hiệu trưởng 2:

+ Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Phương; - .

+ Chức vụ: Phó Hiệu trưởng;

+ Số điện thoại: 0946800557;

+ Email: phuongntt@binhan.sgdbinhduong.edu.vn

+ Nhiệm vụ, trách nhiệm: Phó hiệu trưởng, phụ trách cơ sở vật chất.

Các văn bản khác của nhà trường

Chiến lược phát triển của nhà trường:

Kế hoạch số 283/KH-THPTBA ngày 26/11/2020 ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục Trường THPT Bình An giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030.

Quy chế dân chủ:

+ Báo cáo số 48/BC-THPTBA ngày 25/03/2024 kế hoạch kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở 2024.

+ Quyết định số 51/QĐ-THPTBA ngày 25/03/2024 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ trường THPT An Mỹ năm học 2024.

+ Quyết định số 50/QĐ-THPTBA ngày 25/03/2024 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong trường THPT Bình An năm học 2024.

Các quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính:

+ Quyết định số 02/QĐ-THPTBA ngày 05/01/2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Trường THPT Bình An năm 2023.

+ Quyết định số 289/QĐ-THPTBA ngày 15/09/2023 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của trường THPTBA.

+ Quyết định số 12/QĐ-THPTBA ngày 24/01/2024 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Trường THPT Bình An năm 2024.

+ Quyết định số 335/QĐ-THPTBA ngày 15/10/2024 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của trường THPTBA.

Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch, thông báo tuyển dụng: thực hiện theo các văn bản, hướng dẫn của Sở GDĐT.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

Thông tin đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên năm học 2024-2025:

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp		Ghi chú
			Th.Sĩ	ĐH	Chưa qua đào tạo	Hạng III	Hạng II	
	Tổng số	76	21	48	7	62	5	
I	Cán bộ quản lý	3	3			1	2	
1	Hiệu trưởng	1	1				1	
2	Phó hiệu trưởng	2	2			1	1	
II	Giáo viên	63	18	45		60	3	
1	Toán	10	2	8		9	1	
2	Vật lý	6	2	4		5	1	
3	Hóa học	7	0	7		7	0	
4	Sinh học	3	1	2		3	0	
5	Tin học	2	1	1		2	0	
6	Ngữ văn	9	5	4		8	1	
7	Lịch sử	4	1	3		4	0	
8	Địa lí	4	0	4		4	0	
9	GDKT&PL	2	1	1		2	0	
10	Tiếng Anh	7	1	6		7	0	
11	GDTC	5	2	3		5	0	
12	GDQP&AN	2	0	2		2	0	

13	Công nghệ	2	2	0	2	0
III	Nhân viên					
1	Thư viện	1		1		
2	Thiết bị					
3	Công nghệ thông tin	1		1		
4	Văn thư	1			1	
5	Kế toán	1		1		
6	Y tế	1			1	
7	Bảo vệ	3			3	
8	Phục vụ	2			2	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

Kết quả chuẩn nghề nghiệp năm học 2023-2024:

TT	Nội dung	Số lượng	Kết quả		
			Tốt	Khá	Đạt
1	Cán bộ quản lý	3	2 (66.67)	1 (33.33)	
2	Giáo viên	63		63 (100%)	

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Năm học 2023-2024, 100% giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh

Diện tích đất: 12.264,1 m²

Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: 8.53 m² (số học sinh đầu năm học 2024-2025 là 1437).

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật

TT	Khối phòng	Số lượng	Ghi chú
I	Số phòng học	33	
II	Phòng hỗ trợ học tập		
1	Phòng bộ môn Tin học	03	
2	Phòng bộ môn Vật lí	01	
3	Phòng bộ môn Hóa học	01	

4	Phòng bộ môn Sinh học	01	
5	Phòng bộ môn Công nghệ	01	
6	Phòng bộ môn Ngoại ngữ		
7	Phòng Stem	01	
8	Phòng Thư viện	01	
9	Phòng Thiết bị	01	
10	Nhà Đa năng	01	
III	Phòng hành chính quản trị		
TT	Khối phòng	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng Hiệu trưởng	01	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	02	
3	Phòng Văn phòng	01	
4	Phòng Khảo thí	01	
5	Phòng Y tế	01	
6	Phòng Công đoàn	01	
7	Phòng Đoàn thanh niên	01	
IV	Khối phòng phục vụ sinh hoạt		
1	Hội trường	01	
2	Phòng Truyền thống	01	
3	Phòng Giáo viên	01	
V	Khu vệ sinh		
1	Khu vệ sinh học sinh	8 phòng	
2	Khu vệ sinh giáo viên	4 phòng	

	Nội dung	Có	Không
1	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
2	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
3	Kết nối internet (ADSL)	X	
4	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao	X	
6	Nhà xe học sinh	X	
7	Nhà xe giáo viên	X	
8	Tường rào xây	X	



3. Danh mục sách giáo khoa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ GD&ĐT

Danh mục sách giáo khoa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

+ Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7 và lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

+ Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 4, lớp 8 và lớp 11 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

+ Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 06/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh lớp 11 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

+ Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa môn Lịch sử lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

+ Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9 và lớp 12 do các cơ sở giáo dục lựa chọn sử dụng từ năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Danh mục sách giáo khoa được nhà trường lựa chọn:

+ Hướng dẫn số 87/HD-THPTBA ngày 10/5/2024 của Trường THPT Bình An về việc trang bị SGK lớp 11 dành cho học sinh trường THPT Bình An năm học 2024-2025

+ Hướng dẫn số 108/HD-THPTBA ngày 03/06/2024 của Trường THPT Bình An về việc trang bị SGK lớp 12 dành cho học sinh trường THPT Bình An năm học 2024-2025

+ Hướng dẫn số 133/HD-THPTBA ngày 17/06/2024 của Trường THPT Bình An về việc trang bị SGK lớp 10 dành cho học sinh trường THPT Bình An năm học 2024-2025

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ GD&ĐT, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Nhà trường đã hoàn tất hồ sơ tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục và gửi về Sở giáo dục trong học kỳ I năm học 2021-2022, được Sở GD&ĐT kiểm tra, đánh giá đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 theo Quyết định số 612/QĐ-SGD&ĐT ngày 21/03/2022; Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2022.

Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a) Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan

Thông báo số 69/TB-THPTBA ngày 15/04/2024 của Trường THPT Bình An về việc tổ chức thi tuyển vào lớp 10 năm học 2024-2025

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Kế hoạch số 279/KH-THPTBA ngày 10/9/2024 ban hành Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025.

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

Quy chế số 322/QC-THPTBA ngày 25/09/2023 của Trường THPT Bình An về việc phối hợp giữa nhà trường và Ban Đại diện CMHS; xây dựng Kế hoạch hoạt động năm học 2023-2024 ngày 23/09/2023.

Quy chế số 374/QC-THPTBA ngày 11/11/2024 Trường THPT Bình An về việc phối hợp giữa nhà trường và Ban Đại diện CMHS; xây dựng Kế hoạch hoạt động năm học 2024-2025 ngày 25/09/2024.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh

Tổ, nhóm bộ môn xây dựng các kế hoạch thực hiện sinh hoạt chuyên đề, ngoại khóa cho học sinh; tập trung vào những vấn đề đổi mới phương pháp, đổi mới kiểm tra đánh giá, tích hợp kiến thức, tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Đoàn thanh niên xây dựng các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt: kế hoạch tổ chức thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật; các chương trình tham quan học tập ngoài nhà trường kết hợp giáo dục kỹ năng sống; các hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam, ngày thành lập Đoàn, các hoạt động vui xuân, hoạt động hè.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

a) Kết quả tuyển sinh; số lượng học sinh

Kết quả tuyển sinh:

+ Chỉ tiêu tuyển sinh: 585;

+ Số lượng đăng ký dự thi: 1131;

+ Số lượng trúng tuyển: 562;

+ Số lượng nhập học: 557, đạt tỉ lệ 95.21% so với chỉ tiêu.



- Số lượng học sinh theo khối lớp:

TT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp		
			10	11	12
1	Số lượng học sinh	1437	557	438	442
2	Số lớp	33	13	10	10
3	Số học sinh bình quân/lớp	44	43	44	44
4	Số học sinh học 02 buổi/ngày	1394	545	423	426
5	Số lượng học sinh nam/nữ	672/765	272/285	204/234	196/246
6	Số lượng dân tộc thiểu số	35	14	14	7
7	Số lượng học sinh khuyết tật	4	2	2	0
8	Số lượng chuyển đến	0	0	0	0
9	Số lượng chuyển đi	0	0	0	0
10	Số lượng bỏ học	0	0	0	0

Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GDĐT; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp					
			Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
I	Hạng kiểm/ Kết quả rèn luyện	1437	441		442		554	
1	Tốt	96.73 %	420	95.24 %	432	97.74 %	538	97.11 %
2	Khá	3.27 %	21	4.76%	10	2.26 %	16	2.89 %
3	Trung bình/Đạt							
4	Yếu/Chưa đạt							
II	Học lực/Kết quả học tập	1437	441		442		554	
1	Giỏi/Tốt	38.83 %	215	48.75%	170	38.46 %	173	31.23%
2	Khá	58.11 %	219	49.66 %	249	56.33 %	367	66.25%
3	Trung bình/Đạt	3.06 %	7	1.59 %	23	5.2 %	14	2.53 %
4	Yếu/Chưa đạt							
5	Kém							
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1437	441		442		554	
	Lên lớp	100 %	441	100%	442	100%	554	100%

c) Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số học sinh trúng tuyển đại học

Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 554;

Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 554

Số học sinh trúng tuyển đại học đợt 1: 548

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023

Các căn cứ thực hiện:

Căn cứ phân bổ dự toán thu chi NSNN và các quyết định điều chỉnh bổ sung dự toán trong năm 2023:

+ Quyết định số 67/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2023 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 (đợt 1).

+ Quyết định số 1781/QĐ-UBND ngày 14/01/2023 về việc điều chỉnh dự toán kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên năm 2023.

+ Quyết định số 26/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2024 về việc điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách năm 2023.

+ Quyết định số 32/QĐ-SGDĐT ngày 11/01/2024 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024.

+ Quyết định số 402/QĐ-SGDĐT ngày 28/03/2024 về việc điều chỉnh dự Toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024.

+ Quyết định số 1424/QĐ-SGDĐT ngày 24/09/2024 về việc bổ sung điều chỉnh dự Toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2024.

+ Quyết định số 1671/QĐ-SGDĐT ngày 07/10/2024 về việc tiết kiệm cắt giảm 5% chi thường xuyên năm 2024.

+ Quyết định số 1841/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2024 về việc điều chỉnh nội dung kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên năm 2024.

+ Quyết định số 2014/QĐ-SGDĐT ngày 25/12/2024 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 (đợt 2).

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/05/2023.

1.1. Nguồn ngân sách:



Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện dự toán đến năm 2023	Dự toán còn lại
1	2	3	4	5
A	Kinh phí năm trước chuyển sang	15.351.918	-	15.351.918
	Kinh phí thường xuyên	15.351.918		15.351.918
1	Nguồn 13	15.351.918		15.351.918
2	Nguồn 14			-
B	Dự toán năm nay	12.525.956.711	13.437.858.241	1.948.818.597
I	Kinh phí chi thường xuyên	9.761.956.711	9.738.932.801	23.023.910
I.1	Nguồn 13	9.761.956.711	9.738.932.801	23.023.910
1	Chi cho con người		8.086.008.945	
1.1	Lương		4.351.621.306	
1.2	Lương hợp đồng		429.943.370	
1.3	Phụ cấp lương		1.906.047.257	
1.4	Các khoản đóng góp		1.295.140.012	
1.5	Tăng thu nhập		51.628.500	
1.6	Phụ cấp ngoài trời		51.628.500	
1,7	Khen thưởng		76.860.000	
2	Chi cho công việc		1.652.923.856	
2.1	Phúc lợi tập thể: Tiền nước			
2.2	Các khoản thanh toán cá nhân (Tiền ngoài trời GVTD.QP)			
2.3	Thanh toán dịch vụ công cộng: Tiền điện, vệ sinh môi trường		104.777.800	
2.4	Vật tư văn phòng: khoán VPP, vật tư văn phòng khác		60.325.200	
2.5	Thông tin tuyên truyền liên lạc		20.813.400	
2.6	Công tác phí			

			46.200.000	
2.7	Thuê mướn: nhân viên phục vụ, thuê mướn khác		101.661.400	
2.8	Sửa chữa:		433.977.962	
2.9	Mua sắm			
2.10	Nghệp vụ chuyên môn		885.168.094	
2	Kinh phí tiết kiệm	-		-
I.2	Nguồn 14		-	-
1.1	Lương			
1.2	Phụ cấp lương			
1.3	Các khoản đóng góp			
1.4	Chi lương hưu trước tuổi theo			
II	Kinh phí chi không thường xuyên	2.764.000.000	838.205.313	1.925.794.687
1	Chi cho con người		570.157.433	
	Chi thêm giờ		497.227.433	
	Chi các khoản thanh toán cá nhân (hỗ trợ ngoài khoán) theo NQ 05/2019/NQ-HĐND và NQ 07/2019/NQ-HĐND		72.930.000	
2	Chi cho công việc		268.047.880	
	Chi thuê đào tạo, thuê xe, phòng thi đầu TDTT		47.100.000	
	Chi sửa chữa bảo trì camera thi TN THPT			
	Chi nghiệp vụ chuyên môn: Bồi dưỡng HSG, KP thi THPT, TS10,		220.947.880	
III	Nguồn hoạt động khác được để lại	2.860.720.127	2.860.720.127	-
III.1	Buổi 2	2.860.720.127	2.860.720.127	-
1	Chi cho con người	2.574.648.114	2.574.648.114	-
	80% dạy và quản lý	2.574.648.114	2.574.648.114	
2	Thuế			-



		57.214.403	57.214.403	
3	Cơ sở vật chất	228.857.610	228.857.610	-
	Tồn			
	Thu	228.857.610	228.857.610	-
III.2	Học phí	1.421.681.020	1.349.333.036	72.347.984
	Thu T1 đến T5 năm 2023	572.000.000		
1	Cải cách tiền lương	228.800.000		
2	Hoạt động	343.200.000	-	
	Tồn 2022	849.681.020		
	Cải cách tiền lương	326.520.183		
	Hoạt động	523.160.837		
1	Chi cho con người		559.080.836	
1.1	Lương và phụ cấp		395.843.645	
1.2	Các khoản đóng góp		163.237.191	
1,3	Lương và BH cho nhân viên hợp đồng		-	
2	Chi cho công việc		790.252.200	
2.1	Tiền tết 2023		156.000.000	
2.2	Chi khác		634.252.200	
III.3	Phí vệ sinh	63.492.000	-	63.492.000
	Thu phí vệ sinh T9 đến T12 năm 2023	63.492.000		
	Lương cho nhân viên vệ sinh và dụng cụ vệ sinh	62.222.160		
	Thuế	1.269.840		
	Tồn 2022	-		-
	Chi cho con người		-	
	Lương cho nhân viên vệ sinh 4 người		-	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Thực hiện nghiêm túc các mốc thời gian trong năm học 2023-2024 được quy định tại Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Quản trị và chỉ đạo đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh tập trung tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023-2024 theo Kế hoạch số 4703/KH-UBND ngày 14/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023-2024 của ngành GDĐT; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GDĐT. Cụ thể:

Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục; đổi mới công tác quản lý giáo dục, quản trị nhà trường theo hướng tăng quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch.

Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông: triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 10, 11; tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 12 theo hướng tinh giản, phù hợp. Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá.

Nâng cao chất lượng, năng lực của cán bộ quản lý và giáo viên, tập trung phát triển đội ngũ giáo dục bảo đảm chất lượng thực hiện Chương trình GDPT 2018; chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên. Phát huy tính chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh. Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật, giáo dục thể chất, y tế trường học, giáo dục phòng chống các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường cho học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao, y tế trường học; bảo đảm an toàn trường học, chủ động phòng chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá chất lượng giáo dục; tiếp tục xây dựng hạ tầng học tập, kho học liệu số chia sẻ dùng chung; tiếp tục triển khai học bạ điện tử theo lộ trình; đẩy mạnh cải cách hành chính.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông; kiểm tra, đánh giá hiệu quả đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

Triển khai tích cực và có hiệu quả các cuộc thi, cuộc vận động, các phong trào thi đua bằng nhiều nội dung, hình thức, lồng ghép và tích hợp nội dung, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường tiếp tục triển khai thiết thực, hiệu quả các phong trào thi đua trong toàn ngành.

Tăng cường đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục. Chủ động thông tin truyền thông về các chủ trương, chính sách mới; việc triển khai nghị quyết, văn bản các hoạt động sự kiện của ngành.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2024 của Trường Trung học phổ thông Bình An./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Website;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Võ Huỳnh Ngọc Vân